

Nội dung bài viết

1. [Soan Unit 3 Language Focus trang 37 lớp 7 Friends plus](#)

Soan Unit 3 Language Focus trang 37 lớp 7 Friends plus

1 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the sentences with “was, were, wasn't, weren't”. Then check your answers in the text on page 36. (Hoàn thành các câu với “was, were, wasn't, weren't”. Sau đó, kiểm tra câu trả lời của bạn trong phần văn bản ở trang 36.)

Đáp án:

1. Last week I **was** with my friends in the History Museum of Ho Chi Minh City.
2. The clothes **weren't** comfortable at all.
3. The school trip to the Natural History Museum **wasn't** boring.
4. The exhibits **were** really interesting.
5. **Was** Bluebird strange?

Yes, it **was** very big and long.

Hướng dẫn dịch:

1. Tuần trước tôi cùng các bạn đến Bảo tàng Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Quần áo không thoải mái chút nào.
3. Chuyến đi của trường đến Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên không hề nhàm chán.
4. Các cuộc triển lãm thực sự thú vị.
5. Bluebird có lạ không?

Vâng, nó rất lớn và dài.

2 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Look at the sentences in exercise 1. Then complete the Rules using the correct form of “was” and “were” (Nhìn vào các câu trong bài tập 1. Sau đó, hoàn thành các Quy tắc bằng cách sử dụng dạng đúng của “was” và “were”)

RULES

- 1 In affirmative sentences, we use *was* or
- 2 In negative sentences, we use or *weren't*.
- 3 In *yes / no* questions, we use / *were* + subject + phrase.
- 4 In short answers, we use *yes / no* + pronoun + / *wasn't* or *were / weren't*.

Đáp án:

1. were	2. wasn't	3. was	4. was
---------	-----------	--------	--------

Hướng dẫn dịch:

1. Trong câu khẳng định, ta dùng *was/ were*.
2. Trong câu phủ định, ta dùng *wasn't/ weren't*.
3. Trong câu hỏi *Yes/ No*, ta dùng *was* + S + phrase.
4. Trong câu trả lời ngắn, ta dùng *Yes/ No* + pronoun + *was/ wasn't* hoặc *were/ weren't*.

3 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Complete the sentences with “*was, were, wasn't weren't*” (Hoàn thành các câu với “*was, were, wasn't weren't*”)

Đáp án:

1. The clothing exhibition **wasn't** boring.
2. Bluebird **wasn't** a motorbike.

3. The Nguyễn Dynasty **was** from 1802 to 1945.
4. **Was** the Natural History Museum interesting? - Yes, it **was**.
5. **Were** the dinosaurs unpopular? - No, they **weren't**.

Hướng dẫn dịch:

1. Triển lãm quần áo không hề nhàm chán.
2. Bluebird không phải là một chiếc xe máy.
3. Thời Nguyễn từ 1802 đến 1945.
4. Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên có thú vị không? - Đúng.
5. Có phải khủng long không được ưa chuộng? - Không, không phải vậy.

4 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Write questions and short answers for the sentences in exercise 3. (Viết câu hỏi và câu trả lời ngắn gọn cho các câu trong bài tập 3.)

Gợi ý:

1. Was the clothing exhibition boring? – No, it wasn't.
2. Was Bluebird a motorbike? – No, it wasn't.
3. Was The Nguyễn Dynasty from 1802 to 1945? – Yes, it was.
4. Was the Natural History Museum interesting? - Yes, it was.
5. Were the dinosaurs unpopular? - No, they weren't.

Hướng dẫn dịch:

1. Buổi triển lãm quần áo có nhàm chán không? - Không, không phải vậy.
2. Bluebird có phải là xe máy không? - Không, không phải vậy.
3. Nhà Nguyễn từ 1802 đến 1945 phải không? - Đúng.
4. Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên có thú vị không? - Đúng.

5. Có phải khủng long không được ưa chuộng? - Không, không phải vậy.

5 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Choose the correct words. (Chọn các từ đúng)

Đáp án:

1. There was a car from 1964.
2. There were lots and lots of cars.
3. There wasn't a good café.
4. There weren't any exciting animals.

Hướng dẫn dịch:

1. Có một chiếc ô tô từ năm 1964.
2. Có rất nhiều và rất nhiều xe hơi.
3. Không có một quán cà phê tốt.
4. Không có bất kỳ động vật thú vị nào.

6 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) Write sentences about an event in your town / city last year. Use “There was” and “There were”. Think about: (Viết câu về một sự kiện ở thị trấn / thành phố của bạn vào năm ngoái. Sử dụng “There was” và “There were”. Nghĩ về)

the place the date the number of people
music famous people

Gợi ý:

- There was a festival in Ha Noi in January. Thousands of people joined it.
- There were lots of music festivals every year in Viet Nam. Many famous singers appeared at those festivals.

Hướng dẫn dịch:

- Tháng Giêng có lễ hội ở Hà Nội. Hàng ngàn người đã tham gia nó.
- Hàng năm có rất nhiều lễ hội âm nhạc tại Việt Nam. Nhiều ca sĩ nổi tiếng đã xuất hiện tại các lễ hội đó.

7 (trang 37 sgk Tiếng Anh 7 Friends plus) USE IT!

Write questions with “was/were” and the words in the box. Then ask and answer the questions with your partner. (Viết câu hỏi với “was / were” và các từ trong hộp. Sau đó hỏi và trả lời các câu hỏi với bạn của bạn.)

When Where Who What

Gợi ý:

1. Where were you at 8 o'clock this morning? – I was at school.
2. Who was your first teacher? – Mr Duong.
3. Who was Le Quy Don? – A very famous Vietnamse person.
4. When was your last English test? – Last Friday.
5. When was your first visit to a museum? – Last year.
6. When was the last SEA Games? – In 2019.

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn đã ở đâu vào lúc 8 giờ sáng nay? - Tôi đã ở trường.
2. Ai là giáo viên đầu tiên của bạn? –Mr Dương.
3. Lê Quý Đôn là ai? - Một người Việt Nam rất nổi tiếng.
4. Bài kiểm tra tiếng Anh cuối cùng của bạn là khi nào? - Thứ sáu trước.

5. Lần đầu tiên bạn đến thăm viện bảo tàng là khi nào? - Năm ngoái.

6. SEA Games cuối cùng là khi nào? - Vào năm 2019.